

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)




Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
3Ø 200V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Typ			HD	ND		
LSLV0004G100-2EONN	0.4KW	0.5HP	2.5A	3.1A	Biến tần đa năng: Sử dụng trong tất cả các ngành công nghiệp bao gồm gia công kim loại, máy đúc, thiết bị thủy lực/ điều hòa không khí, thực phẩm và đồ uống/ máy dệt, thang máy/ băng tải và xử lý môi trường nước. . Máy cắt/ uốn/ đánh bóng . Quạt/ Bom . Máy ép/ băng tải . Máy hút bụi/ tủ đông . Máy nén/ thổi . Cầu trục (Nâng hạ, xe con, xe cầu)	3,800,000
LSLV0008G100-2EONN	0.75KW	1HP	5A	6A		4,100,000
LSLV0015G100-2EONN	1.5KW	2HP	8A	9.6A		4,700,000
LSLV0022G100-2EONN	2.2KW	3HP	11A	12A		5,500,000
LSLV0040G100-2EONN	4KW	5HP	17A	18A		6,200,000
LSLV0055G100-2EONN	5.5KW	7.5HP	24A	30A		9,200,000
LSLV0075G100-2EONN	7.5KW	10HP	32A	40A		10,300,000
LSLV0110G100-2EONN	11KW	15HP	47A	56A		19,200,000
LSLV0150G100-2EONN	15KW	20HP	60A	70A		22,100,000
LSLV0185G100-2EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		25,500,000
LSLV0220G100-2EONN	22KW	30HP	88A			30,200,000
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Typ			HD	ND		
LSLV0004G100-4EONN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	*HD(Heavy Duty): Tải nặng 150% dòng định mức/1 phút ** ND (Normal Duty): Tải nhẹ 120% dòng định mức/1 phút	4,000,000
LSLV0008G100-4EONN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,300,000
LSLV0015G100-4EONN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		4,700,000
LSLV0022G100-4EONN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5,300,000
LSLV0040G100-4EONN	4KW	5HP	9A	10A		6,300,000
LSLV0055G100-4EONN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		8,900,000
LSLV0075G100-4EONN	7.5KW	10HP	16A	23A		9,800,000
LSLV0110G100-4EONN	11KW	15HP	47A	56A		17,100,000
LSLV0150G100-4EONN	15KW	20HP	60A	70A		18,600,000
LSLV0185G100-4EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		22,100,000
LSLV0220G100-4EONN	22KW	30HP	88A			24,000,000
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Built-in Filter (HD	ND		
LSLV0004G100-4EOFN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	 <p>User-friendly Design</p> <ul style="list-style-type: none"> Built-in Potentiometer Easy operation with built-in potentiometer Remote Keypad Copy parameter (Read/Write) using remote keypad Smart Copier Copy parameter (Read/Write) and download firmware without supplying power to drive 	4,300,000
LSLV0008G100-4EOFN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,500,000
LSLV0015G100-4EOFN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		4,900,000
LSLV0022G100-4EOFN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5,600,000
LSLV0040G100-4EOFN	4KW	5HP	9A	10A		6,700,000
LSLV0055G100-4EOFN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		9,400,000
LSLV0075G100-4EOFN	7.5KW	10HP	16A	23A		10,200,000
LSLV0110G100-4EOFN	11KW	15HP	47A	56A		17,600,000
LSLV0150G100-4EOFN	15KW	20HP	60A	70A		19,100,000
LSLV0185G100-4EOFN	18.5KW	25HP	75A	82A		22,600,000
LSLV0220G100-4EOFN	22KW	30HP	88A			24,600,000
LOADER REMOTE 2M (LSLV-G100),A2MT-G100			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét			900,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)	
SV0008IS7-2NO	0.75	1HP	5A	8A	BIẾN TẦN HIỆU SUẤT CAO <i>IS7 là một biến tần với hiệu suất và độ tin cậy cao có thể áp dụng cho mọi môi trường làm việc. Mục đích sử dụng:</i> . Máy dầm, máy cán, máy kéo . Dây chuyền lắp ráp lốp xe . Thang máy, cần trục, cầu trục . Thiết bị đỗ xe, kho hàng tự động . Máy ép, máy rửa, máy khử nước, máy nén...	9,100,000
SV0015IS7-2NO	1.5	2HP	8A	12A		9,500,000
SV0022IS7-2NO	2.2	3HP	12A	16A		10,100,000
SV0037IS7-2NO	3.7	5HP	16A	24A		10,400,000
SV0055IS7-2NO	5.5	7.5HP	24A	32A		11,700,000
SV0075IS7-2NO	7.5	10HP	32A	46A		12,900,000
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		20,400,000
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		22,800,000
SV0185IS7-2NO	18.5	25HP	74A	88A		30,700,000
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		34,800,000
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A	3 phase, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	51,900,000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A		60,500,000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A		68,300,000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A		90,600,000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A		100,600,000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	Built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	
SV0008IS7-4NO	0.75	1HP	2.5A	4A		8,800,000
SV0015IS7-4NO	1.5	2HP	4A	6A		9,200,000
SV0022IS7-4NO	2.2	3HP	6A	8A		9,700,000
SV0037IS7-4NO	3.7	5HP	8A	12A		9,900,000
SV0055IS7-4NO	5.5	7.5HP	12A	16A		11,300,000
SV0075IS7-4NO	7.5	10HP	16A	24A		12,300,000
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		19,000,000
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		21,000,000
SV0185IS7-4NO	18.5	25HP	39A	45A		26,000,000
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		29,500,000
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	44,000,000
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		47,800,000
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		56,600,000
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A		62,700,000
						3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)




Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)	
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		74,300,000	
SV0008IS7-4NOFD	0.75	1HP	2.5A	4A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	10,900,000	
SV0015IS7-4NOFD	1.5	2HP	4A	6A		11,500,000	
SV0022IS7-4NOFD	2.2	3HP	6A	8A		12,000,000	
SV0037IS7-4NOFD	3.7	5HP	8A	12A		12,400,000	
SV0055IS7-4NOFD	5.5	7.5HP	12A	16A		14,300,000	
SV0075IS7-4NOFD	7.5	10HP	16A	24A		15,400,000	
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		23,900,000	
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		27,900,000	
SV0185IS7-4NOFD	18.5	25HP	39A	45A		33,700,000	
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		38,100,000	
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A		3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	48,900,000
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A			54,500,000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A	64,400,000		
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A	72,000,000		
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A	81,600,000		
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	124,800,000	
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A		132,500,000	
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		146,800,000	
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		189,200,000	
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		256,400,000	
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		269,900,000	
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	467,100,000	
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A		572,700,000	
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A		615,800,000	
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1,270,000	
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	350,000	
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	380,000	
OPTION PROFIBUS-DP,SV-IS7						3,650,000	
OPTION EXTENSION I/O,SV-IS7						2,750,000	
ENCODER OPTION ,SV-IS7						1,300,000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)



Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20				ND	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt....		
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A	BIẾN TẦN CHO QUẠT VÀ BƠM Dùng trong các ngành công nghiệp: xây dựng, kim loại, bột giấy/ giấy, mỏ than, xử lý dầu khí và nước; (quạt/ bơm, máy sấy)	10,200,000	
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		11,600,000	
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP		42A		13,200,000	
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP		59A		17,800,000	
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP		69A		23,100,000	
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00				ND			
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A	 Built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)	9,400,000	
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		10,900,000	
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP		24A		12,300,000	
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP		30A		16,900,000	
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP		38A		20,200,000	
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP		45A		26,000,000	
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP		61A		30,800,000	
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP		75A		3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in DC Reactor	39,300,000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP		91A			47,300,000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP		107A			55,300,000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP		75A	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	43,100,000	
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP		91A		51,700,000	
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP		107A		60,400,000	
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP		142A		61,800,000	
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP		169A		75,100,000	
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP		223	3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	109,600,000	
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP		264		115,800,000	
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP		325		133,200,000	
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP		370		152,800,000	
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP		432		179,900,000	
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP		481		203,300,000	
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP		613	220kW(350HP), 3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	445,900,000	
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP		683		492,800,000	
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP		770		554,300,000	
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP		962		608,500,000	

- GHI CHÚ:



**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)



Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)	
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20							
			HD	ND	: V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)		
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	BIẾN TẦN MICRO: - Sử dụng cho các máy móc, quạt/ bơm và băng tải nhỏ. - Lắp đặt trên thanh Din Rail. 	2,650,000	
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2,750,000	
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2,950,000	
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75KW	1HP	4.2A	-		3,100,000	
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5KW	2HP	7.5A	-		3,700,000	
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2KW	3HP	10A	-		4,050,000	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1KW	1/8HP	0.8A	-		2,900,000	
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		3,000,000	
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		3,150,000	
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75KW	1HP	4.2A	-		3,350,000	
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5KW	2HP	7.5A	-		4,000,000	
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2KW	3HP	10A	-		4,350,000	
EOFNS: (Standard I/O: 3 Digital Inputs, 1 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 1 Relay)							
EOFNA: (Advanced I/O: 5 Digital Inputs, 2 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 2 Relay, RS485)							
Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)	
<i>L100 series for Elevator Application:</i>							
LSLV0055L100-4NNFN	5.5	7.5	150% for 1 min.	12	Biến tần thang máy - Khả dụng cho nhiều loại tải khác nhau (Thang khách, thang hàng, thang máy đồ xe,...) - Có thể điều khiển động cơ IM hoặc động cơ PM, có hộp số hay không có hộp số - Điều khiển vector vòng hở và vector vòng kín cho động cơ IM hoặc PM tiêu chuẩn (với Incremental encoder, SIN/COS encoder, Endat encoder) - Kích thước nhỏ gọn cho phép lắp đặt không phòng máy 	13,500,000	
LSLV0075L100-4NNFN	7.5	10	150% for 1 min.	16		16,500,000	
LSLV0110L100-4NNFN	11	15	150% for 1 min.	24		19,200,000	
LSLV0150L100-4NNFN	15	20	150% for 1 min.	30		24,600,000	
LSLV0185L100-4NNFN	18.5	25	150% for 1 min.	39		28,800,000	
LSLV0220L100-4NNFN	22	30	150% for 1 min.	45		35,400,000	
ENCODER(LSLV-L100),XENC-L100						1,100,000	
SIN/COS ENCODER(LSLV-L100),XSIN-L100						2,150,000	
SIN/COS_ENDAT ENCODER(LSLV-L100),XEDT-100						3,400,000	
ELEVATOR I/O(LSLV-L100),XELV-L100						2,700,000	
REMOTE 2M(LSLV-L100),A2MT-L100					1,500,000		
REMOTE 3M(LSLV-L100),A3MT-L100					1,550,000		
REMOTE 5M(LSLV-L100),A5MT-L100					1,600,000		
RS232 CABLE 2M(LSLV-L100),S2MT-L100					650,000		

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC



(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)

Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.		
Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V		
LSLV0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,900,000
LSLV0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,500,000
LSLV0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,400,000
LSLV0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	12,400,000
LSLV0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	7,500,000
LSLV0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	18,500,000
LSLV0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20,500,000
Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V		
LSLV0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,900,000
LSLV0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,500,000
LSLV0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,400,000
LSLV0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	11,800,000
LSLV0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	6,900,000
LSLV0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	16,800,000
INV,SV750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	23,500,000
LSLV0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20,500,000
LSLV1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	25,000,000
LSLV1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	34,000,000
LSLV2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	37,500,000
INV,SV2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	29,000,000
External brake resistors (Điện trở xả)	Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min. Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max	
MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	260,000
MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	260,000
MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	400,000
MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185,000
MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	220,000
MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305,000
MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	175,000
MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185,000
MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305,000
MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185,000
MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	220,000
MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305,000

Phu kien

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC



(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)

Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	480,000
	MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	430,000
	MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	630,000
	MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	530,000
	MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	700,000
	MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	430,000
	MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	630,000
	MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870,000
	MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	690,000
	MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750,000
	MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750,000
	MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,440,000
	MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	430,000
	MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	630,000
	MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870,000
	MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	530,000
	MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	700,000
	MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,440,000
	MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	560,000
	MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,440,000
	MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,100,000
	MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	630,000
	MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870,000
	MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	700,000
	MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,100,000
	MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870,000
	MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,100,000
	MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000
	MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,200,000

Phu kien

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC



(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)

Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Brake resistors (Case package type with thermostat sensor)	Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact	
MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	2,880,000
MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	3,350,000
MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	3,350,000
MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	5,660,000
MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	3,350,000
MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	6,770,000
MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	5,000,000
MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	8,250,000
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	5,000,000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	2,880,000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	6,770,000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	11,540,000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	6,770,000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	6,770,000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	8,190,000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	14,710,000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	3,350,000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	8,190,000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	8,250,000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	15,270,000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	6,770,000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	11,540,000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	21,470,000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	3,950,000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	5,000,000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	8,250,000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	14,710,000
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	29,960,000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	5,000,000

Phu kien

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC




(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)

Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (VND)
	MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	19,780,000
	MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	35,610,000
	MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	21,470,000
	MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	41,830,000
	MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	6,770,000
	MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	11,540,000
	MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	6,770,000
	MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	28,260,000
	MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	54,000,000
	MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	7,630,000
	MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	14,120,000
	MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	29,960,000
	MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	69,520,000
	MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	9,060,000
	MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	15,270,000
	MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	32,500,000
	MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	73,490,000
	MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	11,540,000
	MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	21,470,000
	MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	14,710,000
	MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	29,960,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 20-03-2023)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VND)
Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cắt...)	
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	1 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắt, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	 3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắt, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call
Loại 3 Pha 380~480VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắt, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call
LSLV0055S100-4EOFNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắt, EMC filter(C3), control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0075S100-4EOFNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call
LSLV0110S100-4EOFNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call
LSLV0150S100-4EOFNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call
LSLV0185S100-4EOFNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		Call
LSLV0220S100-4EOFNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call
LSLV0300S100-4CONDS	30/37kw	40HP	61A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, detachable LCD keypad, built-in DC reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0370S100-4CONDS	37/45kw	50HP	75A	-		Call
LSLV0450S100-4CONDS	45/55kw	60HP	91A	-		Call

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **20-03-2023**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
LSLV0550S100-4CONDS	55/75kw	75HP	110A	-		Call
LSLV0750S100-4CONDS	75/90kw	100HP	152A	-		Call
Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call
Loại 3 Phase 380~480VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		Call
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		Call
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call
Phụ kiện dùng cho LSLV S100:						
CANOpen(LSLV-S100),CCAN-S100						Call
Profibus-DP(LSLV-S100),CPDP-S100						Call
Ethernet(LSLV-S100),CENT-S100						Call

- **GHI CHÚ:**

**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min